

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 905/2017/HNGĐ-ST

Ngày 31 tháng 7 năm 2017.

Về việc: “Ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Liên Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Kim Liên**.

2. Bà **Lê Thị Xin**.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Bá Hùng Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Mến – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2017, tại Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1038/2016/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2016 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 159/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Hoàng Thị N** - sinh năm: 1974.

Thường trú: Ấp 7, xã N, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Hoàng T** - sinh năm: 1970.

Thường trú: Ấp 7, xã N, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21/7/2016, bản tự khai ngày 25/10/2016 và tại phiên tòa, bà Hoàng Thị N trình bày:

Sau một thời gian quen biết, tìm hiểu, bà Hoàng Thị N và ông Nguyễn Hoàng T đã tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 60, quyền số 01/08 do Ủy ban nhân dân xã Thạnh Phước, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre cấp ngày 25/8/2008.

Thời gian đầu vợ chồng ông bà chung sống hạnh phúc với nhau, đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông T không quan tâm, chăm lo vợ và 02 con riêng của vợ theo như thống nhất của ông bà trước khi kết hôn. Bà đã cho ông T nhiều cơ hội nhưng ông T vẫn không sửa đổi. Từ đó, vợ chồng không còn hợp nhau, bất đồng quan điểm, thường xuyên gây gổ, cãi vã, nên đời sống vợ chồng đã chấm dứt từ năm 2012 cho đến nay. Tuy vợ chồng vẫn còn sống một nhà nhưng không còn quan tâm

đến nhau, mặc ai nấy sống và tự lo cho bản thân. Nay bà N nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa bà và ông T đã trở nên lạnh nhạt, không còn yêu thương tôn trọng nhau, không thể hàn gắn trở về chung sống với nhau được. Do đó, bà N yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà N và ông T không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ trở về chung sống với nhau nhưng chỉ có nguyên đơn bà Hoàng Thị N có mặt theo triệu tập của Tòa án; ông Nguyễn Hoàng T được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do, do đó không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, vụ án được đưa ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự để Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng dân sự theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử áp dụng, tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn đã vắng mặt không chấp hành quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn và nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Quan hệ tranh chấp giữa bà Hoàng Thị N với ông Nguyễn Hoàng T là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; bị đơn hiện đang cư trú tại xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Nguyễn Hoàng T vắng mặt không lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị N và ông Nguyễn Hoàng T tự nguyện tiến đến hôn nhân. Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 60, quyển số 01/08 do Ủy ban nhân dân xã Thạnh Phước, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre cấp ngày 25/8/2008 nên đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Hoàng Thị N và ông Nguyễn Hoàng T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Trong quá trình tố tụng, bị đơn không đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, bị đơn đã từ

bỏ quyền chứng minh của mình theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét yêu cầu của nguyên đơn dựa trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp theo quy định của pháp luật.

Theo đơn khởi kiện, bà Hoàng Thị N xác định do ông Nguyễn Hoàng T không quan tâm, chăm lo vợ và 02 con riêng của vợ theo như thống nhất của ông bà trước khi kết hôn. Bà đã cho ông T nhiều cơ hội nhưng ông T vẫn không sửa đổi. Từ đó, vợ chồng không còn hợp nhau, bất đồng quan điểm, thường xuyên gây gổ, cãi vã. Bà N xác định, tuy vợ chồng vẫn còn ở cùng một nhà nhưng cuộc sống vợ chồng đã chấm dứt từ năm 2012 cho đến nay; không còn quan tâm đến nhau, mặc ai nấy sống và tự lo cho bản thân.

Khoản 1 Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.”

Áp dụng điều luật được viện dẫn nêu trên cho thấy, bà N và ông T đã chấm dứt cuộc sống vợ chồng trong thời gian dài, không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, quan tâm đến nhau dẫn đến đời sống chung của vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không thể tiếp tục kéo dài. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về con chung: Đương sự khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn là có cơ sở, nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng các Điều 19, Điều 56 và Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị N đối với ông Nguyễn Hoàng T.

Bà Hoàng Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng T.

2. Về con chung: Đương sự khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Hoàng Thị N phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng). Ngày 10/10/2016, bà Hoàng Thị N đã nộp số tiền tạm ứng án phí

200.000đ (hai trăm ngàn đồng) theo biên lai số AB/2014/0009806 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn được đối trừ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- Chi cục THADS huyện Hóc Môn;
- UBND xã Thạnh Phước, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Liên Quân